

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠNH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 443/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-9-2019.  
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tơ

*Các hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Việt Quốc
- Bà Huỳnh Thị Minh Tâm

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 430/2019/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2190/2019/QĐST –HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Tống Thị T**, sinh năm 1991; ĐKTT: 101/3 ấp Phong, xã Tân Phong, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: anh **Huỳnh Phúc H**, sinh năm 1991; ĐKTT: 1/3 ấp Quý Đức B, xã Quới Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre. Anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Tống Thị T trình bày:*

Vào năm 2015 chị T và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới; hôn nhân tự nguyện; đến năm 2016 anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền, huyện Thanh Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/01/2015. Trong thời gian chung sống chị T và anh H có một con chung tên Huỳnh Gia V, sinh ngày 26/11/2016; hiện con chung đang sống chung với chị T. Chị T và anh H không tạo lập được tài sản chung; nợ chung: không có.

Lý do không còn sống chung: do chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, anh H thường xuyên cờ bạc ăn thua bằng tiền, chị T có khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi; giữa chị và gia đình chồng có xảy ra mâu thuẫn do cha mẹ anh H bênh vực anh H nên anh, chị không còn sống chung khoảng 02 tháng.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T có các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: chị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Phúc H. Sau khi ly hôn chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho chị T.

- Về con chung: chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Gia Vỹ, sinh ngày 26/11/2016 và chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Ngày 03/9/2019 chị Tống Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Theo nội dung bản khai ngày 20/8/2019 anh Huỳnh Phúc H trình bày:*

Anh H và chị T kết hôn vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền vào ngày 20/01/2015.

Nguyên nhân anh H và chị T không còn sống chung là do trong quá trình chung sống anh H và chị T không hợp nhau và luôn xảy ra bất hòa về quan điểm.

Trước các yêu cầu của chị T, anh H có ý kiến sau:

- Về hôn nhân: anh H đề nghị Tòa án xử ly hôn đơn phương cho anh H và chị T.

- Về con chung: anh H đồng ý giao con chung tên Huỳnh Gia V, sinh ngày 26/11/2016 cho chị T trực tiếp nuôi và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không có không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có yêu cầu giải quyết.

Ngày 20/8/2019 anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: trong thời gian chung sống chị T và anh H thừa nhận đã phát sinh mâu thuẫn và cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Do đó có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Huỳnh Phúc H có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 1/3 ấp Quí Đức B, xã Quới Điền, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị T và anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh H theo quy định.

[4] Về hôn nhân: chị Tổng Thị T và anh Huỳnh Phúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Quới Điền và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/01/2015. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh H được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh H là do chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn, anh H thường xuyên cờ bạc ăn thua bằng tiền, chị T có khuyên nhiều lần nhưng anh H không thay đổi; giữa chị T và gia đình chồng có xảy ra mâu thuẫn do cha mẹ anh H bên vợ anh H nên anh, chị không còn sống chung khoảng 02 tháng. Xét thấy: Hiện nay chị T, anh H không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau; anh H thừa nhận trong quá trình chung sống anh và chị T không hợp nhau và luôn xảy ra bất hòa về quan điểm. Quá trình giải quyết vụ án cả hai đều không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau nên từ đó có căn cứ kết luận hôn nhân giữa chị T và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[5] Do chị T và anh H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: chị Tổng Thị T và anh Huỳnh Phúc H có 01 con chung tên Huỳnh Gia V, sinh ngày 26/11/2016. Xét thấy: Từ khi chị T và anh H không còn sống chung thì con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần; anh H cũng đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Lẽ đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu nên cần giao cho chị T được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: chị T và anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Tổng Thị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Tổng Thị T. Chị Tổng Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Phúc H. Chị Tổng Thị T và anh Huỳnh Phúc H không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Tổng Thị T được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Gia V, sinh ngày 26/11/2016. Do chị Tổng Thị T không yêu cầu anh Huỳnh Phúc H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Anh Huỳnh Phúc H có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh Huỳnh Phúc H có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; chị Tổng Thị T có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: chị T và anh H trình bày không có nên không xem xét giải quyết

4. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Tổng Thị T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004009 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Quới Điền;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Tô**



***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Eaktur, huyện Cư Kuin, tỉnh  
Đắk Lắk;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Sơn – Nguyễn Văn Sơn**

**Huỳnh Thị Phê**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**









**Càc Hoài thaảm nhaân daân  
phieân toaø**

**Nguyễĩn Văn Chóť – Phạm Minh Đạť**

**Thaảm phaùn – Chuũ toaĩ**

**Huyønh Thò Pheâ**





